

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2018/DS-PT**

Ngày 18/6/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Nguyệt**

- **Các Thẩm phán:** Ông **Bùi Hữu Nhân**

Ông **Huỳnh Châu Thạch**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Nghị** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà **Võ Thị Kim Anh**, kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2018/TLPT-DS ngày 29/11/2018, về việc “*Tranh chấp QSDĐ và yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐ-PT ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Tỷ**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: số 31A, Quang Trung, Phường 9, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Quốc T**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: số 203, Phạm Ngọc Thạch, phường L, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Phạm Quang Hòa B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 290, Trần Phú, phường L, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Lê Cao T**, Văn phòng Luật sư **Bá Tánh** thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Trong P, sinh năm 1978

2. Bà Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1980

Cùng trú tại: số 31A, Quang Trung, Phường 9, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1964

4. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1967

5. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1968

6. Bà Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1976

Cùng trú tại: số 35, Lê Hồng Phong, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

7. Bà Hoàng Thị Ngọc F, sinh năm 1961

Địa chỉ: số 64, Lê Hồng Phong, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

8. Bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1960

Địa chỉ: số 33, Lê Hồng Phong, Phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

9. UBND huyện B tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T –Chức vụ: Phó Chủ tịch.

** Người làm chứng:*

1. Ông Lê H, sinh năm 1936

Địa chỉ: thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

2. Ông K' Júi, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

4. Ông Lê Hoài P, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

5. Ông Đặng Tấn N, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

6. Ông Lê Quang T, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

7. Ông Trần Đình D, sinh năm 1970

Địa chỉ: tổ 6, phường L, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Quang Hòa B.

(Bà T, ông TT, ông B, luật sư T, ông B, ông H và những người làm chứng có mặt, Đại diện Ủy ban có đơn xin vắng mặt, các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm, theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2014 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Quốc T trình bày:*

Vào ngày 08/6/2004 UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho bà Quách Nữ Việt Tân đối với 04 thửa đất 520, 521, 523 tờ bản đồ số 33 tại Quyết định số

992/QĐ-UB. Năm 2006 bà Quách Nữ Việt Tân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T các thửa đất số 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại thôn 16, xã L, huyện B theo chứng thực số 532, 533, 534, 535/CT-UB ngày 26/7/2006 của UBND xã L, huyện B. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông Du, bà T giao cho ông Trương Quốc T, canh tác sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Ngày 11/9/2012 do bị mất QCNQSDĐ nên vợ chồng ông Du, bà T làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nêu trên. Vì vậy, đến ngày 30/10/2012 UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL113582, BL113581, BL113580, BL 113579 cho vợ chồng ông Du, bà T.

Quá trình canh tác sử dụng, ông B đã lấn chiếm toàn bộ diện tích của 04 thửa đất trên và ngăn cản không cho gia đình bà T sử dụng đất. Vợ chồng bà T đã ủy quyền cho ông T tham gia hòa giải tại UBND xã L nhưng hai bên không thống nhất.

Ông Du đã chết năm 2012. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông B phải trả lại cho bà diện tích đất thuộc 04 thửa nói trên.

Bị đơn ông Phạm Quang Hòa B trình bày: Thửa đất số 519 tờ bản đồ số 33 tại thôn 16, xã L, huyện B thuộc quyền sử dụng của mẹ ông là bà Nguyễn Thị Vui. Thửa đất này bao gồm diện tích của 04 thửa đất số 520, 521, 522, 523. Do trước đây bà Quách Nữ Việt Tân bán cho vợ chồng ông Du, bà T nhưng việc mua bán này hoàn toàn trái pháp luật vì trước đó bà Vui đã khiếu nại và tranh chấp với bà Tân vì bà Tân mua đất của ông Phạm Văn Tiến (con trai bà Vui, anh ruột ông B) nhưng mua ở vị trí khác chứ không phải diện tích đất nằm trong thửa 519 nói trên. Cha ông B là ông Phạm Văn Bản chết năm 1997, bà Vui chết năm 2011.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B phải trả lại diện tích đất thuộc thửa 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33 thì ông B không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B thống nhất với trình bày của ông B cụ thể:

Thửa đất số 519 tờ bản đồ số 33, tại thôn 16, xã L, huyện B thuộc quyền sử dụng của mẹ ông là bà Nguyễn Thị Vui (bà Vui chết năm 2011). Thửa đất này bao gồm diện tích 04 thửa đất số 520, 521, 522, 523. Do trước đây bà Quách Nữ Việt Tân bán cho vợ chồng ông Du, bà T nhưng việc mua bán này hoàn toàn trái pháp luật vì trước đó bà Vui đã khiếu nại và tranh chấp với bà Tân vì bà Tân mua đất của ông Tiến (con trai bà Vui, anh ruột ông B) nhưng mua ở vị trí khác chứ không phải diện tích đất nằm trong thửa 519. Nhưng không hiểu lý do gì mà vợ chồng ông Du, bà T vẫn được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với 4 thửa đất trên.

Vì vậy, ông B yêu cầu hủy Quyết định của UBND huyện B về việc cấp giấy CNQSDĐ số BL113582, BL113581, BL113580, BL113579 đối với các thửa đất số 520, 521, 522, 523 nói trên.

Ông Nguyễn Trung Thành đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B trình bày:

Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 33, xã L diện tích 4.236m² hiện chưa được cấp GCNQSDĐ. Trình tự thủ tục, nội dung cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với các thửa 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33, xã L, huyện B cho bà Tân là không đủ cơ sở trả lời. Lý do hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đã bị thất lạc chỉ còn lại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Tân.

UBND huyện B đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Bà Nguyễn Thị Trong P, bà Nguyễn Thị Xuân Quý không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Diệu H, bà Hoàng Thị Ngọc F, bà Hoàng Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy không có lời khai tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Phạm Quang Hòa B về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Buộc ông Phạm Quang Hòa B phải trả lại cho bà Huỳnh Thị T toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm gồm: 204m² thuộc thửa đất số 520; 221m² thuộc thửa đất 521; 848m² đất thuộc thửa 522; 227m² thuộc thửa đất số 523 đều thuộc tờ bản đồ số 33 tại thôn 16, xã L, huyện B theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL113582, BL113581, BL113580, BL113579 ngày 30/10/2012 mang tên vợ chồng ông Nguyễn Xuân Du, bà Huỳnh Thị Tỹ; bà Huỳnh Thị T được quyền sử dụng toàn bộ tài sản (ao, cây trồng) trên các thửa đất 520, 521, 522, 523 (có trích đo địa chính thửa đất ngày 22/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn B về việc hủy quyết định của UBND huyện B về việc cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL113582, BL113581, BL113580, BL113579 ngày 30/10/2012 đối với các thửa 520, 521, 522, 523.

Ông Phạm Văn B có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự trên theo thủ tục chung, mặc dù việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật tranh chấp.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Quang Hòa B phải trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 5.312.800 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017 bị đơn ông Phạm Quang Hòa B kháng cáo cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do mẹ của ông là bà Nguyễn Thị Vui để lại nên ông không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông B, ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T, ông T không đồng ý với kháng cáo của ông B, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu ông B trả lại diện tích đất các thửa 520, 521, 522 và 523 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại thôn 16, xã L, huyện B, ông B không đồng ý cho rằng diện tích các thửa đất trên là của mẹ ông là bà Vui để lại cho ông canh tác không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B là anh ruột ông B yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T tên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính*” là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Phạm Quang Hòa B thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện: các thửa đất số 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại Thôn 16, xã L, huyện B tổng diện tích 1.500m² đã được UBND huyện B cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL113582, BL113581, BL113580, BL113579 ngày 30/10/2012 cho vợ chồng ông D, bà T.

Quá trình canh tác sử dụng, bà T phát hiện ông B đã lấn chiếm đất nên đã yêu cầu UBND xã L hòa giải nhưng hai bên không thống nhất. Theo bản Trích đo địa chính thửa đất ngày 22/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện B thì diện tích đất các thửa 520, 521, 522, 523 nằm liền kề với thửa đất số 519, có tổng diện tích theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.500m², đo đạc thực tế là 1.819m². Ông Bcho rằng toàn bộ diện tích đất thuộc các thửa 520, 521, 522, 523 nằm trong thửa đất số 519 đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị Vui nhưng ông Blại không cung cấp được GCNQSDĐ đứng tên bà Vui.

Tại công văn số 1498/UBND ngày 10/8/2017 UBND huyện B đã trả lời thửa đất số 519, tờ bản đồ số 33, xã L diện tích 4.236m² hiện chưa được cấp GCNQSDĐ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Bcó cung cấp cho Tòa án bản phô tô 01 “Giấy sang nhượng đất” viết tay giữa ông Phạm Ngọc Linh bán cho bà Nguyễn Thị Vui nhưng nội dung không thể hiện vị trí, số lô, số thửa. Ngoài ra, ông Bxuất trình 01 tờ bản đồ lô đất thể hiện các thửa 520, 521, 522, 523 tiếp giáp với thửa 264 nhưng tờ bản đồ này không thể hiện cơ quan nào cấp, không có chữ ký, đóng dấu theo quy định. Cấp sơ thẩm cũng đã làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì trên hệ thống bản đồ hiện đang lưu giữ tại Chi nhánh chỉ thể hiện thửa đất số 519 tờ bản đồ số 33 chứ không phải thửa 264. Do đó, các chứng cứ ông Bcung cấp là không đủ cơ sở pháp lý để xem xét như cấp sơ thẩm đã nhận định là phù hợp.

Về nguồn gốc thửa đất số 519, tờ bản đồ số 33 diện tích 4.236m² tại Thôn 16, xã L do bà Quách Nữ Việt Tân đứng tên đăng ký sử dụng nhưng thực tế hộ bà Nguyễn Thị Vui đang sử dụng trồng cây Thanh Long 4.000m², hộ bà Tân sử dụng 236m² trồng chè xen một số cây ăn trái. Quá trình giải quyết tranh chấp, do các bên không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp và do tranh chấp kéo dài nhiều năm không giải quyết được nên UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 805/QĐ-UB ngày 20/8/2003 thu hồi diện tích đất tranh chấp 4.000m² thuộc thửa đất số 519 giao cho UBND xã L, huyện B quản lý. Đồng thời, quy định hộ nào có nhu cầu sử dụng số diện tích đất trên thì làm đơn đề UBND xã L trình UBND huyện quyết định giao đất theo quy định của luật đất đai. Sau khi có quyết định số 805/QĐ-UB thì ngày 12/5/2004 bà Quách Nữ Việt Tân đã làm Đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất số 520, 521, 522, 523 và được UBND xã L xác nhận về hiện trạng, nguồn gốc và đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch và gửi Phòng nông nghiệp - địa chính huyện B xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, ngày 08/6/2004 UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho bà Quách Nữ Việt Tân đối với 04 thửa đất 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33 tại Quyết định số 992/QĐ-UB.

Năm 2006 bà Quách Nữ Việt Tân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tcác thửa đất số 520, 521, 522, 523 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại Thôn 16, xã L, huyện B theo các chứng thực số 532, 533, 534, 535/CT-UB ngày 26/7/2006 của UBND xã L, huyện B.

Như vậy, việc bà Quách Nữ Việt Tân được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ và đã chuyển nhượng cho bà Tỷ, ông Du là đúng quy định của pháp luật. Do bị mất GCNQSDĐ nên bà Tầm đơn và được UBND huyện B cấp đổi lại 04 GCNQSDĐ đối với 04 thửa đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Bắc đề nghị hủy Quyết định của UBND huyện B về việc cấp GCNQSDĐ số BL113582, BL113581, BL113580, BL113579 đối với các thửa đất 520, 521, 522, 523 nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông Bắc vắng mặt nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết, ông Bắc không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bình, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Quang Hòa B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Phạm Quang Hòa B về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất.*”

Buộc ông Phạm Quang Hòa B phải trả lại cho bà Huỳnh Thị T toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm gồm: 204m² thuộc thửa đất số 520; 221m² thuộc thửa đất 521; 848m² đất thuộc thửa 522; 227m² thuộc thửa đất số 523 đều thuộc tờ bản đồ số 33 tại thôn 16, xã L, huyện B theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 113582, BL113581, BL113580, BL113579 ngày 30/10/2012 mang tên vợ chồng ông Nguyễn Xuân Du, bà Huỳnh Thị Tỷ; bà Huỳnh Thị T được quyền sử dụng toàn bộ tài sản (ao, cây trồng) trên các thửa đất 520, 521, 522, 523; (có trích đo địa chính thửa đất ngày 22/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn B về việc hủy quyết định của UBND huyện B về việc cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 113582, BL113581, BL113580, BL113579 ngày 30/10/2012 đối với các thửa 520, 521, 522, 523.

Ông Phạm Văn B có quyền khởi kiện yêu cầu của Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự trên theo thủ tục chung.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Quang Hòa B phải trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 5.312.800 đồng.

4. Về án phí: Ông Phạm Quang Hòa B phải chịu 2.337.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004959 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông B còn phải nộp 2.337.200 đồng tiền án phí.

Sung vào công quỹ Nhà Nước số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Phạm Văn B đã nộp theo biên lai thu số 0006837 ngày 30/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003190 ngày 23/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Châu Thạch

Bùi Hữu Nhân

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- TAND huyện B ;
- Chi cục THADS Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng

